

Số: 39/2013/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 21 tháng 12 năm 2013



QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định phân khu vực, phân loại đường phố
và phân vị trí đất trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYỀN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất; Nghị định số 123/2007/NĐ-CP ngày 27/7/2007 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất;

Căn cứ Thông tư số 145/2007/TT-BTC ngày 06/12/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất và Nghị định số 123/2007/NĐ-CP ngày 27/7/2007 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 447/QĐ-UBND ngày 19/9/2013, của Ủy ban Dân tộc về công nhận thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc và miền núi giai đoạn 2012 – 2015;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 267/TTr-TNMT ngày 11/11/2013 về việc ban hành quy định phân khu vực, phân loại đường phố, phân vị trí đất và giá các loại đất năm 2014 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân khu vực, phân loại đường, phố và phân vị trí đất trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang theo hệ thống biểu sau:

1. Đối với nhóm đất nông nghiệp

a) Đất trồng cây hàng năm, gồm:

- Biểu số 01NH/PL-CHN: phân loại đất trồng cây hàng năm huyện Na Hang.
- Biểu số 01LB/PL-CHN: phân loại đất trồng cây hàng năm huyện Lâm Bình.
- Biểu số 01CH/PL-CHN: phân loại đất trồng cây hàng năm Chiêm Hóa.
- Biểu số 01HY/PL-CHN: phân loại đất trồng cây hàng năm huyện Hàm Yên.
- Biểu số 01SD/PL-CHN: phân loại đất trồng cây hàng năm Sơn Dương.
- Biểu số 01YS/PL-CHN: phân loại đất trồng cây hàng năm huyện Yên Sơn.
- Biểu số 01TP/PL-CHN: phân loại đất trồng cây hàng năm TP Tuyên Quang.

b) Đất trồng cây lâu năm, gồm:

- Biểu số 02NH/PL-CLN: phân loại đất trồng cây lâu năm huyện Na Hang.
- Biểu số 02LB/PL-CLN: phân loại đất trồng cây lâu năm huyện Lâm Bình.
- Biểu số 02CH/PL-CLN: phân loại đất trồng cây lâu năm huyện Chiêm Hóa.
- Biểu số 02HY/PL-CLN: phân loại đất trồng cây lâu năm huyện Hàm Yên.
- Biểu số 02SD/PL-CLN: phân loại đất trồng cây lâu năm huyện Sơn Dương.
- Biểu số 02YS/PL-CLN: phân loại đất trồng cây lâu năm huyện Yên Sơn.
- Biểu số 02TP/PL-CLN: phân loại đất trồng cây lâu năm TP Tuyên Quang.

c) Đất trồng rừng sản xuất, gồm:

- Biểu số 03NH/PL-RSX: phân loại đất trồng rừng sản xuất huyện Na Hang.
- Biểu số 03LB/PL-RSX: phân loại đất trồng rừng sản xuất huyện Lâm Bình.
- Biểu số 03CH/PL-RSX: phân loại đất trồng rừng sản xuất Chiêm Hóa.
- Biểu số 03HY/PL-RSX: phân loại đất trồng rừng sản xuất huyện Hàm Yên.
- Biểu số 03SD/PL-RSX: phân loại đất trồng rừng sản xuất Sơn Dương.
- Biểu số 03YS/PL-RSX: phân loại đất trồng rừng sản xuất huyện Yên Sơn.
- Biểu số 03TP/PL-RSX: phân loại đất trồng rừng sản xuất TP Tuyên Quang.

d) Đất nuôi trồng thủy sản, gồm:

- Biểu số 04NH/PL-NTS: phân loại đất nuôi trồng thủy sản huyện Na Hang.
- Biểu số 04LB/PL-NTS: phân loại đất nuôi trồng thủy sản huyện Lâm Bình.
- Biểu số 04CH/PL-NTS: phân loại đất nuôi trồng thủy sản Chiêm Hóa.
- Biểu số 04HY/PL-NTS: phân loại đất nuôi trồng thủy sản huyện Hàm Yên.
- Biểu số 04SD/PL-NTS: phân loại đất nuôi trồng thủy sản Sơn Dương.
- Biểu số 04YS/PL-NTS: phân loại đất nuôi trồng thủy sản huyện Yên Sơn.
- Biểu số 04TP/PL-NTS: phân loại đất nuôi trồng thủy sản TP Tuyên Quang.

2. Nhóm đất phi nông nghiệp:

a) Đất ở nông thôn tại các vị trí còn lại:

- Biểu số 05NH/PL-ONT: phân loại đất ở nông thôn còn lại huyện Na Hang.
- Biểu số 05LB/PL-ONT: phân loại đất ở nông thôn còn lại huyện Lâm Bình.
- Biểu số 05CH/PL-ONT: phân loại đất ở nông thôn còn lại huyện Chiêm Hóa.
- Biểu số 05HY/PL-ONT: phân loại đất ở nông thôn còn lại huyện Hàm Yên.
- Biểu số 05SD/PL-ONT: phân loại đất ở nông thôn còn lại huyện Sơn Dương.
- Biểu số 05YS/PL-ONT: phân loại đất ở nông thôn còn lại huyện Yên Sơn.
- Biểu số 05TP/PL-ONT: phân loại đất ở nông thôn còn lại TP Tuyên Quang.

b) Đất ở đô thị:

- Biểu số 06NH/PL-ODT: phân loại đất ở đô thị huyện Na Hang.
- Biểu số 06CH/PL-ODT: phân loại đất ở đô thị huyện Chiêm Hóa.
- Biểu số 06HY/PL-ODT: phân loại đất ở đô thị huyện Hàm Yên.
- Biểu số 06SD/PL-ODT: phân loại đất ở đô thị huyện Sơn Dương.
- Biểu số 06YS/PL-ODT: phân loại đất ở đô thị huyện Yên Sơn.
- Biểu số 06TP/PL-ODT: phân loại đất ở đô thị thành phố Tuyên Quang.

c) Xử lý đối với các thửa đất có chiều sâu lớn

- Thửa đất phi nông nghiệp (không phải là đất ở) trong đô thị có chiều sâu lớn hơn 50 mét (tính từ chỉ giới xây dựng đến hết thửa đất), thì từ trên 50 mét trở lên được xác định theo vị trí thấp hơn liền kề hoặc bằng với vị trí của thửa đất đó (trường hợp không có vị trí thấp hơn liền kề) quy định tại điểm b, khoản 2 Điều này.

- Thửa đất phi nông nghiệp (không phải là đất ở) ven trục đường giao thông chính (Quốc lộ, tỉnh lộ, huyện lộ) có chiều sâu lớn hơn 60 mét, thì từ trên 60 mét trở lên (tính từ chỉ giới hành lang bảo vệ an toàn giao thông đường bộ đến hết thửa đất) được xác định theo loại khu vực, vị trí đất ở nông thôn các vị trí còn lại cao nhất liền kề quy định tại điểm a, khoản 2 Điều này.

- Thửa đất phi nông nghiệp (không phải là đất ở) thuộc khu vực đất ở nông thôn các vị trí còn lại mà có chiều sâu lớn hơn 60 mét, thì từ trên 60 mét trở lên được xác định theo vị trí thấp hơn liền kề hoặc bằng với vị trí của thửa đất đó (nếu không có vị trí thấp hơn liền kề) quy định tại điểm a, khoản 2 Điều này.

- Thửa đất ở ven trục đường giao thông chính mà có chiều sâu tính từ chỉ giới hành lang bảo vệ an toàn giao thông đường bộ đến hết thửa đất lớn hơn 30 mét, thì từ trên 30 mét trở lên được xác định theo loại khu vực, vị trí đất ở nông thôn các vị trí còn lại cao nhất liền kề quy định tại điểm a, khoản 2 Điều này.

- Trường hợp thửa đất trong đô thị, thửa đất bám trục đường giao thông chính (Quốc lộ, tỉnh lộ, huyện lộ) có vị trí bám từ 02 loại đường trở lên thì vị trí thửa đất đó được xác định theo loại đường được xếp loại cao nhất.

Điều 2. Quy định phân khu vực, phân loại đường, phố và phân vị trí đất quy định tại Điều 1 Quyết định này là căn cứ để xác định giá đất thực hiện các chính sách pháp luật về đất đai theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất và khoản 1 Điều 1 Nghị định số 123/2007/NĐ-CP ngày 27/7/2007 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 188/2004/NĐ-CP.

Điều 3. Giao Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tư pháp, Cục Thuế tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra thực hiện Quyết định này theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2014 và thay thế Quyết định số 23/2012/QĐ-UBND ngày 22/12/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Ban hành quy định phân khu vực, phân loại đường phố và phân vị trí đất năm 2013 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành đoàn thể; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Cục KTVB - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó CT UBND tỉnh;
- Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Ban Kinh tế NS - HĐND tỉnh;
- Như Điều 4; (Thi hành)
- Sở Tư pháp; (để kiểm tra)
- Các Phó VPUBND tỉnh;
- Phòng tin học và Công báo;
- Báo Tuyên Quang; Đài PTTH tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Chuyên viên ĐC;
- Lưu: VT (Tỉnh).

(Báo cáo)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH



Châu Văn Lâm